NĂM THỨ NĂM SỐ 198

# TRI TÂN

## TẠP CHÍ

1$20

# TRI-TÂN TẠP-CHÍ
## RA HÀNG TUẦN

## MỤC LỤC Số 198


Cải cách giáo dục... *Lưỡng-Hải*
Tây hứng *Cẩm-Lai*
Một vị danh thần triều Nguyễn (I) *Trúc-Khê*
Đại nam dật sự (LXVII) *Ưng-hòe*
Mỹ thuật với việc kiến thiết quốc gia Họa sĩ *An-Sơn*
Tài liệu để đính chính những bài văn cổ (LXXXVII) *Nguyễn-văn-Tố*
Việt nam văn học sử (LXVIII) *Ưng-hòe*
Một ông huyện suýt bị đòn *Tiên-Đàm*


***

## GIÁ BÁO

| | |
|---|---|
| Một năm | 55$00 |
| Sáu tháng | 30,00 |
| Ba tháng | 15,00 |
| Một số | 1,20 |

***


**TÒA BÁO**

*95 — 97 phố Chanceaulme — Hà-nội*

***

**Đại lý Uỷ Viên ở các tỉnh**

Quảng-vạn-Thành 51, phố Cầu-đất — Hải-phòng
Vũ-ngọc-Cừ 40, phố Đông kiều — Hải-dương



# LỊCH VIỆT-NAM

năm Bính-tuất (1946-47)

Có những ngày Lịch - sử
Ai mua xin đặt tiền trước

In có hạn

giá : 12$00

*LONG ĐIỀN biên-tập* *TRI-TÂN phát-hành*

**Đã có bán :**

# ĐÊM HÔI LONG TRÌ

Lịch sử tiểu thuyết
của NG. H. TƯỜNG

**GIÁ 3$60**

**TY XUẤT BẢN TRI-TÂN**
*95-97, Chanceaulme — HANOI*

# CẢI CÁCH GIÁO-DỤC

## THÌ PHẢI CHẤN CHỈNH GIÁO GIỚI

LƯƠNG HẢI

MỚI đây bộ Giáo dục theo Thành ý thông tư các tỉnh mở lớp « Tu nghiệp » để huấn luyện giáo viên về tinh thần cải cách nền học vấn quốc gia.

Vấn đề Giáo dục là vấn đề rất cần, cần hơn cả các vấn đề khác, vì giáo dục là phương pháp rèn luyện dân chí và un đúc nhân tài.

Sống mà không có chí, thì sống như mọi rợ, như loài vật, làm nô lệ suốt đời.

Ông Mạnh Tử đã nói :

« Ăn no, mặc ấm, ở rỗi, mà không có giáo dục, thì gần như giống vật ».

Nhân tài là lực lượng của quốc gia, nhân tài nhiều, nước hay, nhân tài ít, nước dở.

Đức vua Gia Long đã nói :

« Binh số có thể tăng ngay, binh khí có thể mua, đúc được, đến như nhân tài thì phải tạo mấy đời mấy có ».

Giáo dục xem vậy rất có quan hệ đến vận mệnh tương lai của nước.

Nước ta ngày nay đang buổi nhu tài, Triều Đình nghĩ đến việc cải cách giáo dục là rất phải. Vì xét thấy nền giáo dục trong thời Pháp thuộc đã làm cho dân ta hầu mất hết chí khí mất hết năng lực, mất hết tinh cách tổ truyền của ta.

Giáo dục là gì ? Giáo là dạy dạy cho biết những điều chưa biết, dạy những điều lành mà theo, dạy những điều dữ mà lánh, dạy những điều phải mà bắt chước dạy những điều trái mà bỏ đi, dạy bảo mở mang cho đức trí được trong sáng thành một người hoàn toàn có nhân cách, ích cho đời ; — dục là nuôi, nuôi dưỡng, bồi đắp sức vóc được khoẻ mạnh để đủ tư cách đảm nhiệm cái tự do của mình và của người quanh mình.

Đó là ý nghĩa cốt yếu của giáo dục còn nghĩa rộng giáo dục là phương pháp rèn luyện dân chí, un đúc nhân tài, cho nên thường chia giáo dục ra làm ba độ : giáo dục trong gia đình, giáo dục ở học đường, và giáo dục tại xã hội.

Giáo dục đã là một phương pháp, thì phương pháp hay mà người thi hành dở, thì dù hay cũng hoá dở, vậy theo ngu kiến muốn cải cách giáo dục, trước hết phải chấn chỉnh giáo giới.

Giáo giới trong thời Pháp thuộc, theo một chế độ đồi bại, đã bị người Pháp lợi dụng, không để cho một địa vị sáng đáng, nên vì thế, mà giáo viên vô tình làm thêm mục nát cái nền giáo dục đã mục nát của bọn thực dân.

Nay, chế độ Pháp thuộc đã hết, thì cũng nên nhân lúc này, chấn chỉnh giáo giới.

Có thực mới vực được đạo.

Điều cần nhất lúc này là phải nâng cao đời sống của giáo viên để đảm bảo hai chữ « Thanh Cần », trong giáo giới.

Điều thứ hai nên tuyển trạch giáo viên rất kỹ lưỡng, ngoài văn bằng tài học, nên lưu ý đến đạo đức, hạnh kiểm.

Thày có ra thày, thì trò mới nên trò.

Ta vẫn có câu : Thày nào trò ấy.

Dân Việt Nam vốn là dân trọng văn học, nên đối với thày, tất có cảm tình, lễ độ, cho nên ông thày đã được đứng hàng trên cha : (Quân, sư, phụ).

Tình nghĩa đối với ông thày thật rất trung hậu, trung hậu tế là vì xưa ông thày đáng là những nhà mô phạm đủ tư cách dẫn đạo cho con em.

Cổ nhân đã nói : « Đem việc làm dạy người ta, thì người ta theo, chỉ đem lời nói dạy người ta, thì người ta không phục »

Ông thày dạy học không phải chỉ giảng nghĩa lý trong sách, mà cần phải làm gương mẫu để học trò theo.

Như dạy trẻ tu thân tề gia mà ông thày thân không tu

nhà không trị thì phỏng ra sao?

Dạy trẻ trung, hiếu, lễ, nghĩa, mà ông thầy phản quốc, dối trẻ lừa già, phóng đãng, loạn luân, thì phỏng dạy gì vậy?

Cho nên, ngày xưa, ông thầy dạy học phải là những bực đức cả, tài cao, đủ tư cách làm thầy, vì thế nên dân gian tôn trọng kính nể.

Xưa vua Gia Long tuyển cụ Ngô Tùng Châu làm Phụ Đạo dạy Đông Cung, cụ dâng sớ từ có câu:

« Thần tài sơ, hạnh, bạc lại thuộc về văn ban, thứ nhất yếu ớt kh ông kham nổi chức Phụ Đạo ».

Vua phán: « Đông cung là ngôi nhì trong nước phải trọn người đứng đắn làm Sư phó, kh ông có thầy thì không được, vậy chẳng nên từ ».

Xem vậy, sự tuyển trạch thầy học rất quan hệ.

Thầy học ngày xưa, đều là những vị tài cao đức cả, hoặc từ quan về dạy học, hoặc là những nhà bác học, đại tài, đức độ thanh cao, chỉ khi nhất chúng muốn lấy việc đào tạo nhân tài giúp nước làm phận sự, để trả nợ non sông, cho nên hết sức thận trọng trong việc giáo huấn. Vì thế nghìn năm học trò vẫn nhớ ơn thầy dạy dỗ.

Đời Trần, Chu văn An, có học trò là Phạm sư Mạnh làm đến Tể trướng, khi ra hầu, vẫn phải vòng tay đứng hàu ở dưới thềm.

Mới đây, cụ Võ Trương Toản trong Nam, dạy học cũng nhiều, khi Chúa Nguyễn vào Gia định, cụ tiến cử môn sinh là bọn: Trịnh hoài Đức, Lê quang Định, Ngô nhơn Tịnh, Lê bá Phẩm, Phạm ngọc Uẩn, Nguyễn khắc Thiệu ra giúp nước, sau đều là công thần cả.

Cụ cử Võ Thạch Nguyễn huy Đức, một nhà mô phạm đại danh, không ra làm quan, chỉ ở nhà dạy học. Môn sinh cụ là ông Đỗ văn Tâm khi làm tuần phủ Thái Bình tới thăm thầy tự đi đun nước pha trà để thầy uống, vì nhà cụ Cử nghèo không có đầy tớ.

Lại Tùng thiện Vương có ông Nguyễn trọng Hợp là học trò. Ông Hợp làm tới Phụ chánh đại thần mà cũng thường mặc áo rộng đen đến nhà thầy bái yết.

Thật, thầy nào, trò ấy.

Ta lại có câu: Không thầy đố mày làm nên. Câu đó đủ tỏ ông thầy phải là người rất sứng đáng.

Thanh « *Can tường* » Thanh « *Mạc da* » là gươm báu đời xưa, nhưng cũng phải rũa mài mới nên được gươm quí.

Gỗ thông, gỗ bách là thứ gỗ tốt ở đời, nhưng không đẽo gọt thì sao thành khí dụng.

Trong tay người thợ khéo, hòn đất nặn lên ông bụt, nếu vào tay thợ vụng thì hòn đất chưa chắc đã được nên gì hay bị phí hoại.

Muốn sây một toà nhà đẹp chắc, cần phải có vật liệu tốt, hiệp thợ giỏi thì mới hoàn toàn.

Cho nên giáo dục cũng như một toà nhà muốn sây dựng đẹp chắc, tất phải tuyển trạch giáo viên cho cẩn thận.

Đông triết có câu: Học trò trong nước mà không có khí tiết thì tế nước chỉ khóp như người sắp chết.

Xin lấy câu đó để bạn đọc suy xét.

LƯỠNG HẢI

## HOÀNG-HÔN

*Hoàng hôn chìm xuống, đất lên cao*
*Đôi nhánh giao thêm lá giạt dào*
*Sương xuống đặc dần màu tối sẫm*
*Đất dồn lên mãi mối xôn xao*

*Mảnh trời bối-rối bước vương vương*
*Mắt mở làm sao lạc nẻo đường*
*Gió tối hiền hòa, lòng bịn rịn*
*E dè, thoang thoảng dạ-lan hương*

*Xóm vắng nhà ai đã điểm đèn*
*Chập chờn chấm lửa loe trong đêm*
*Tưởng đâu hồn lạc còn thơ thẩn*
*Trong lúc trần-gian đắm tặng yên*

*CAM-LAI*

# Vũ phạm Khải

## MỘT VỊ VĂN HỌC DANH THẦN TRIỀU NGUYỄN

Số 1

TRÚC-KHÊ

TRIỀU Nguyễn về thế kỷ trước, các vua Minh-mệnh, Thiệu-trị, Tự-đức đều là những vị vua văn học, mà dưới triều các vua, đã họp tập lại được nhiều tay văn-học danh-thần. Trong số những văn-học danh-thần thì ông Vũ phạm Khải, đáng kể là một tay xuất sắc. Song cái đời làm quan của vị danh thần Vũ-Phạm này kể cũng đã nhiều phen nổi chìm lận đận mà có quan hệ khá nhiều đến lịch sử. Nay xin biên tập sự trạng đời ông ra đây, để cung tài liệu cho những nhà nghiên cứu sử học sau này.

***

Vũ phạm Khải tự là Đông dương, hiệu là Ngu-sơn, sinh năm Đinh mão (1807) niên hiệu Gia-long thứ 6. Khải tuổi nhỏ thông minh, học đâu nhớ đấy, có tiếng thần đồng. thụ nghiệp ở hai ông cậu ruột là Phạm tiết-Đạo và Phạm Song-Cận đều là những nhà nho hay chữ. Năm 14 tuổi đi hạch bị trượt, Khải lấy làm tức; đến trấn đời làm văn thi với người đỗ đầu xứ, người đầu xứ e sợ mà tránh. Học-quan lấy cái đề bài « Thang Võ trợ » nghĩa là *đũa của vua Thang vua Võ* mà ra thơ chơ. Khải liền đọc rằng:

*Võ kỷ Thang bàn cố hữu truyền*
*Bất tri thủ trợ chế hà niên*

Nghĩa là:

*Ghế Võ mâm Thang có truyện xưa,*
*Chẳng hay đũa ấy sắm bao giờ?*

Tuy là thuận miệng đọc ra mà đã ngụ có cái ý hỏi vặn lại.

Tính Khải ham đọc sách lắm, ông thân-phụ thấy thế, bèn để cho chuyên việc học tập không bắt phải bận đến một việc gì ngoài, lại vì con chiếu-tiếp những thầy hay bạn tốt, nhân thế sự học của Khải ngày càng tấn tới.

Năm 18 tuổi, Khải đến học ở trường quan Huấn Đạo Yên-mô Nguyễn Trị, năm 20 tuổi, ra Bắc-thành (Hà-nội) học ở trường tự ông Hương-cống Trần Đạm-trai (tên là Phát, người làng Bình-vọng phủ Thường tín). Năm 22 tuổi, thi đậu tú-tài khoa Mậu-tý niên hiệu Minh-mệnh thứ 9 (1828). Năm 23 tuổi, vào Thanh-hóa thụ nghiệp ở trường ông Lê Bạch-trai (tên là Du người làng Bật-thượng huyện Hoằng hóa). Năm 25 tuổi, thi đậu cử-nhân khoa tân-mão niên hiệu Minh mệnh thứ 12 (1831). Năm sau đi thi hội, bị trượt. Nguyên ông đi thi hội đã được vào đến kỳ thứ tư, văn lý kỳ này đáng được 5 phần, chỉ vì ở phần Kim-văn có câu *nhất nhân* và có câu *nội xướng ngoại tùng*, quan trường e ngại, muốn trích xuống Phó-bảng, nhưng quan Tri Công-cử Hà Duy Phiên nói:

— Văn như thế này làm gì mà chẳng đỗ giáp-khoa, đặt xuống Phó bảng sợ hoài phí mất văn-tài đi.

Ông bèn bị trượt bỏ hẳn.

Năm Minh-mệnh thứ 14 ông phụng phái vào hậu-bổ ở Nghệ-an, thường cùng với các bạn đồng liêu làm thơ làm văn, tiếng tăm càng lừng lẫy, ở tỉnh có việc soạn thuật gì, phần nhiều là do tay ông cả. Ông làm văn thường không cầm bút, miệng đọc để cho người khác viết, người viết có khi không kịp, các quan ở tỉnh đều thán phục, thiên-tài. Quan Tổng Đốc Tạ Quang-Cự, quan Bố-chính Nguyễn Kiến-Hưng quan Án-sát Trần Ngọc Dao đều mến trọng ông, ngày lúc ở công-nhà, lại cùng ngồi chung một giường chuyện trò, coi như ngang hàng vậy. Năm thứ 15, sung làm sơ-khảo trường

Nghệ-an, rồi kế quyền nhiếp huyện Thanh-chương. Trong thời kỳ này, ông vẫn rèn luyện văn chương, chờ khoa thi hội. Năm thứ 16, ông đi thi hội lại bị trượt. Khoa này khi ông vào kỳ văn sách, trong đầu đề có câu « Tam kinh, tam vĩ, tứ thủy, lục nghĩa », ông nghĩ câu ấy chỉ phải giải thích qua, không cần để ý, bèn lo làm đoạn dưới trước. Khi làm xong, viết luôn vào quyển. Đến lúc soát lại, mới biết là bỏ sót câu trên chưa giải thích, bèn phải làm bù rồi viết ở khe nhiều đến hơn trăm chữ. Quan trường thấy không hợp lệ, đánh hỏng. Có người bảo có lẽ vì số của ông không đỗ nghề.

Ở Kinh về Nghệ, ông Khải quyền nhiếp huyện Hưng-nguyên, rồi sang năm sau, Minh-mệnh 17, ông lĩnh chức Tri huyện Quỳnh-lưu. Trong khi trị huyện, có nhiều chính tích hay, được dân mến phục. Năm thứ 18, ở Quỳ-châu có giặc, triều-đình sai quan Tham-tán Trương Đăng Quế, quan Tán-lý Đoàn Uẩn đem quân đi dẹp, và lấy Đề đốc Nghệ-an Nguyễn cửu-Đức cùng đi hội tiễu, lại cho chọn lấy một người văn-học tài-trí ở trong hạt Nghệ-an đi giúp việc quân, ông Khải bị cử vào chân ấy. Sau khi việc bình, năm thứ 19, được thăng thự chức Đô-sát-viện Lễ-khoa cấp sự-trung. Chiếu mệnh ban xuống, quan Tổng đốc muốn xin lưu ông Khải lại, nhưng quan Bố-chính họ Nguyễn nói:

— Thôi để cho gã tri-huyện cứng cổ ấy về Kinh cũng phải, ở đây lắm lúc cũng khó chịu với tính nết hắn.

Ông tại chức thường hay dâng sớ nói việc. Bấy giờ vua nghĩ tế Giao tháng hai thường hay gặp mưa, truyền quan bộ Lễ đổi lấy tháng ba sẽ bói lấy kỳ tế, Ông dâng sớ nói tế Giao xong rồi bách thần mới thụ chức, đó là cái lễ lớn nhất, trước nhất, cử hành về tháng quý-xuân sợ không hợp với lẽ ý. Vua không nghe.

Lệ cũ hễ khi vua đi tế Giao, các quan ở viện Đô-sát phải mặc triều phục đi hộ tụng để phòng ô hồi hạn đến, ông ở trong sở ấy mà đi không kịp, sáng phải khiển trách, nhân nói đến tâu rằng: « Trẫm không chạy quen ». Vua cười mà miễn lỗi cho, và chuẩn cho sau này các quan đi hộ tụng được ra chực trước ở dọc đường hay ở chỗ tế để khỏi phải đi theo vất vả.

Năm thứ 20, một khi sắp đến ngày miễu-hủy, vua mệnh giá định đi chơi hồ Tĩnh-tâm Ông dâng sớ nói: « Trong kỳ kiêng-cữ chong sạch mà đi du hạnh, phỏng đối với điều hiếu ra sao? ». Vua phê vào sớ hai chữ *trung ái* rồi thưởng cho hai tấm sa nam-hoa.

Một khi vua giận, sai đem gông trói quan Hiệp-biện Nguyễn Trung-Mậu (1). Ông dâng sớ nói: « Trung-Mậu ngôi đến thượng thư, có tội tưởng chỉ nên truất giáng; gông trói như vậy thì còn sự quan chi ôm ra sao? Sợ không hợp với cách tôn người ôn mà quý người quý ».

Vua giận và nói: « Vũ phạm Khải muốn bắt ta phải sợ một viên Hiệp biện ư? »

Ông bèn phải phạt.

Tháng 3 năm ấy, phụng phái ra Bắc-kỳ thám-sát. Bấy giờ có viên tri-huyện Kim-động là Nguyễn Vỹ, có tiếng là viên quan quay quắt, gặp khi dân hạt bị tai nạn, mà trong huyện thành vẫn bát xướng, ông dâng sớ hặc xin cách chức, đại ý nói: « Ngoài thành khóc mà trong thành hát, không có lòng trắc ẩn, không phải là cha mẹ của dân v. v. ». Viên Tri-huyện ấy bèn phải cách. Tỉnh Đông có nhiều kẻ hoạt lại điên-đảo, quan lại cũng bị họ kềm chế, ông dò xét được xin bãi truất. Các sự dân hặc cả thảy 30 điều, vua khen là dò được chân thực, được thưởng một cấp và mười lạng bạch kim. Kế đó lại phụng phái ra Nghệ-an tra xét việc kiện, sau một tháng lại về chức cũ.

Ông ở viện Đô-sát ba năm, giữ cái chức trách dân hặc, vì sự cứng thẳng nên kẻ quyền quý đều gờm ghét. Song vua Thánh-tổ thường để ý mến trọng, gọi là *Ngự xử râu xồm*. Vua Hiến-tổ khi còn ở nơi Tiềm-đề, vẫn nghe tiếng ông mà chưa biết người, một lần đi chơi thuyền gặp, ngài thân đến thuyền ông xem mặt cho biết.

***

Niên hiệu Thiệu-trị năm đầu, ông 35 tuổi, được thăng lên Hình-bộ Lang trung, biện lý việc bộ. Ông làm việc bộ minh, để lòng thận trọng, đêm thường

*(Xem tiếp trang 15)*

(1) *Người làng cái-xá huyện Đông-thành Nghệ-an.*

Số 67 *Ưng-hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

## XXXVII. — Sử Tàu chép đời Lý thế nào?

Mục *Dật-sự* này từ trước vẫn tham khảo ở các sách cũ nho của ta và sử ta mà dịch ra hoặc biên chép lại, thỉnh thoảng cũng có trích ở sử Tàu hoặc sách Tàu. Như quyển *Văn-hiến thông-khảo* của Mã Đoan-Lâm có chép riêng một bài về Giao-chỉ, kể từ đời Hán (206 trước T. C. đến 219 sau T. C.) trở xuống, mà về đoạn Đinh, Lê, Lý, có nhiều điều nên thêm vào sử ta. Tôi đã trích một đoạn nói về Lê-Hoàn ở Tri Tân số 165 và 166, nay dịch đoạn nói về đời Lý, để độc-giả so sánh, xem sách Tàu khác với sách ta thế nào?

Mã Đoan-Lâm là người bác học, gặp khi nhà Tống mất đi ẩn dật dạy học-trò, xa gần đều tôn làm thầy. Đời Lý bên ta lại ngang với đời Tống bên Tàu, Mã Đoan-Lâm mà chép chuyện đời Lý bên ta, thì cũng như chép chuyện đương-thời, tưởng cũng nên dịch cho đủ. Nhưng trong khi dịch, đoạn nào khác với sử ta, tôi chưa rõ để độc-giả so sánh: duy có giọng bể trên của sử Tàu thì cứ để nguyên, không phải chua, tưởng độc-giả cũng đã biết.

*Văn-hiến thông khảo* (q 330, từ tờ 22 b đến 28 a) chép như sau này:

Năm Canh-tuất (1010) là năm thứ nhất hiệu Thuận-thiên của Lý Thái-tổ bên ta, tức là năm thứ ba hiệu Đại-trung-tường-phù của Tống Chân-tông bên Tàu. Vua Tàu « phong Lý công-Uẩn (Thái-tổ) làm kiểm-hiệu thái phó tiết-độ đô-hộ ngự-sử đại-phu thượng-trụ-quốc Giao chỉ quận-vương, tự phong công-thần hiệu, sau gia phong đồng-bình-chương-sự, khai phủ-nghi đồng tam-ty. Lại phong chức quan cho những sứ-thần sang cống. Về sau hoặc cách một năm hoặc hai năm đem phương-vật sang cống. Trong hiệu Thiên-hựu (1018 1021) tiến phong Nam-bình quận-vương, kiêm-hiệu thái-úy (việc này sử ta chép vào năm 1016). Khi vua Nhân-Tông (nhà Tống) lên ngôi, Công Uẩn sai sứ sang cống, vua Tàu gia thăng Kiêm hiệu thái-sư.

« Năm thứ sáu hiệu Thiên-thánh (1028) Công-Uẩn mất. Con là Đức-Chính (tức Phật-mã) sai sứ sang cáo tang, vua Tàu xuống chiếu sai sứ sang tế điếu, truy tặng Công-Uẩn làm thị-trung Nam-việt-vương; cho Đức-Chính tập tước Giao-chỉ quận-vương (sử ta chép vào năm 1029, có lẽ ở bên Tàu đi từ năm 1028 đến năm 1029 mới tới nơi chăng). Đầu hiệu Minh đạo (1032) gia phong đồng-bình-chương-sự. Đầu hiệu Cảnh-hựu (1034), người trong bộ Giao-chỉ là bọn Trần-công-Vĩnh hơn sáu trăm người nổi phản với nhà Tống: Đức-Chính đem hơn nghìn quân sang địa giới Tàu để đuổi bắt. Vua Tàu xuống chiếu bắt bọn ấy phải về nước, và khuyên Đức-Chính chớ nên giết bọn ấy, Đức-Chính sai sứ sang cống, được thăng kiêm-hiệu thái-sư. Năm thứ ba hiệu Cảnh-hựu (1036) những mau-kiều ở Giáp-động, châu Lạng châu Môn, châu Tô-mậu, châu Quảng nguyên, động Đại-phát, huyện Đơn ba và châu Tử-lăng, châu Tây-bình, châu Thạch-tây cùng các động thuộc về châu Ung, đến cướp trâu ngựa, đốt nhà cửa của nhân-dân Tàu rồi đi: Vua Tàu xuống chiếu trách hỏi vua ta, và sai bắt bọn tù-thủ để trị tội, xong rồi trả lời cho vua Tàu biết (việc này sử ta không chép đến). Năm thứ nhất hiệu Bảo-nguyên, tiến phong Nam-bình-vương. Năm đầu hiệu Khang-định (1040), năm thứ ba hiệu Khánh-lịch (1043) và thân bảy năm thứ sáu hiệu Khánh-lịch (1046) Đức-Chính đều sai sứ sang cống vua Tàu xuống chiếu bảo cho cống-sứ được quan chức.

« Trước kia Đức-Chính đem quân lấy Chiêm-thành, Triều-đình ngờ rằng có ý ngầm làm mưu

gian, bèn cho đó bỏi những đường xá thông nhau của hai nước, từ đời Đường trở lại, phàm mười sáu chỗ, sai chuyển-vận-sứ là Đỗ Kỷ tính chỗ hiểm yếu đem quân tới canh giữ. Nhưng về sau không xảy việc gì ngoài biên, vẫn thường cống thuần-tượng (voi lành có thể cưỡi được). Năm thứ hai hiệu Hoằng-hựu (1050), châu Ung dụ bọn Vi thiệu-Tự và Thiệu-Khâm ở châu Tô-mậu hơn ba nghìn người vào ở tỉnh thành châu Ung. Đức-Chính dâng biểu xin bỏ việc dụ dân, vua Tàu ban chiếu xuống trả về hết, và bảo Đức-Chính phải nước thức những dân ngoài biên chớ được xâm phạm. Về sau Nùng-trí-Cao làm phản, Đức Chính đem hai vạn quân từ đường thủy, muốn vào giúp quân nhà vua, Triều-đình hậu đãi, nhưng không chịu nhận quân ấy. Đến năm thứ hai hiệu Chí-hòa (1055) Đức-Chính mất (Chính ra thì Đức-Chính tức Lý Thái-tông mất từ năm 1054, năm 1055 là năm sứ Tàu sang tế điếu và sách phong Lý Thánh-tông). Con là Nhật-Tôn sai người sang cáo tang, vua Tàu xuống chiếu sai sứ sang tế điếu và truy tặng quan chức. Lại cho Nhật-Tôn tước như cũ. Năm thứ ba hiệu Gia-hựu (1058) Nhật-Tôn sai sứ sang muông thú lạ (dị thú).

Năm thứ tư hiệu Gia-hựu, Giao-chỉ vào cướp ở quận thuộc châu Khâm, năm sau (1060) Giao-chỉ cùng với Chiêm động vào cướp châu. Vua Tống xuống chiếu cho tri châu Quế là Tiêu-cố, chuyển vận sứ là Tống-Hàm, đề-hình là Trương Trung cùng hội nghị đến đánh. Lại xuống chiếu cho An-phủ-sứ là Dư-Tính đem quân sang bắt, Dư-Tính sai người điệp-dụ (dỗ một cách gián-tiếp mà khéo-léo). Chiêm-thành và hai lộ Quảng-nam đem binh sĩ đánh Giao-chỉ, Nhật-Tôn sợ hãi, dâng biểu thú tội, Vua Tống ban chiếu: « Giao-chỉ chưa cử binh, bằng lòng cho lại sang cống hiến ». Năm thứ tám (1063) Nhật-tôn sứ sang cống, Tháng tư năm ấy, tấy những phẩm vật của Tống Nhân-tông để lại, đem tặng Nhật Tôn và thăng đồng bình chương sự. (Đoạn này so với sử ta hơi khác, *Khâm định Việt sử* q. 3, tờ 24 b, và *Đại Việt sử ký toàn thư*, q. 3, tờ 2 b, chép: Mùa xuân năm canh-tý (1060) Chức Mục ở Lạng-châu là Thân-thiệu-Thái cho đi bắt những quân lính trốn tránh vào địa-giới nhà Tống, bắt được chỉ-huy-sứ nhà Tống và sĩ tốt, trâu, ngựa, đem về. Đến tháng bảy nhà Tống đem quân sang xâm lấn không được, bèn sai Lại-bộ thị-lang là Dư-Tính đến châu Ung để hội nghị, Vua Lý sai Phí gia-Hựu tới dự, Dư-Tính đưa tặng Gia-Hựu rất nhiều phẩm vật và đưa thơ xin trả lại Dương Bảo Tài: vua Lý không nghe).

« Khi Tống Thần tông (1058-1085) lên ngôi, tiến phong Lý Nhật tôn tước Nam bình-vương, gia khai phủ nghĩ đồng tam ty (việc này sử ta chép vào năm 1067, tức về đời Tống Anh-tông, chứ không phải Thần-tông). Năm thứ hai hiệu Hy-ninh (1069) Lý Nhật-tôn dâng biểu nói rằng: « Chiêm-thành lâu nay bỏ triều lệ cống, tôi đã thân đem quân đi đánh bắt được vua Chiêm ». vua Tàu xuống chiếu phong cho sứ-giả được quan tước. Từ bấy giờ Nhật-Tôn tự xưng đế trong nước, tiến xưng là Pháp thiên ứng-vận sùng-nhân chỉ-đạo khánh-thành long-tường anh-vũ duệ-văn tôn-đức thánh thần hoàng-đế. Tôn công-Uẩn làm Thái-tổ thần-vũ hoàng-đế, đặt tên nước là Đại-Việt, ngụy (?) cải nguyên là Bảo lượng, (năm 1068), lại đổi niên-hiệu là Thần-vũ (năm 1069).

« Đến năm thứ năm hiệu Hy-ninh (1072), Nhật-Tôn mất con là Kiền-đức nối ngôi, sai sứ sang cáo ai, vua Tống xuống chiếu sai sứ sang điếu và truy tặng quan chức. Lại cho Kiền-đức tập tước như cũ. Kiền-đức còn nhỏ, mẹ là họ Lê gọi là thái-phi, cùng với hoạn nhân là Lý thượng-Cát (sử ta chép là Lý Đạo-Thành) cùng coi việc nước. Bấy giờ tri-châu châu Quế là Thẩm Khởi biên những dân ở khe động làm dân nhà vua, (Tàu) và thiện tiện cho tri-châu Ân-thuyến là Nùng Thiện-Mỹ chốn ở nội-địa (đất Tàu). Vua Tống sợ làm càn sinh ra man-họa, liền bãi chức Thẩm-Khởi, cho Lưu-Di ra thay. Kiền-đức xin trả lại Thiện Mỹ và thuộc dân bảy trăm người: Vua Tống không cho. Lại nói Lưu-Kỷ ở châu Quảng-nguyên đem binh cướp châu Quy-hóa thuộc quận Ung. Nùng-Trí-Hội đem con là Tiến-An đón đánh có công: Vua Tống xuống chiếu phong cho Tiến-An chức cung-phụng. Nguyên xưa ở Quảng-tây đóng đồn ở phía bắc đến hai mươi chỉ-huy, người Giao chỉ sợ Lưu-Di tâu xin bãi chính binh mà xin dùng những quân cầm súng-tay và gậy chia nhau ra

đóng đồn để canh giữ. Lại nghe lời tên quân thiên-hiệu cho rằng An-Nam có thể lấy được, rồi sửa những thuyền chứa binh-khí. Người Giao-chỉ đến chợ buôn bán đều bị ngăn cấm, có dâng biểu kể với vua Tống, nhưng biểu ấy không đến nơi. Đến mùa đông năm thứ tám hiệu Hy-ninh (1075), Giao-chỉ chia ba đường vào cướp: một đường từ châu Khâm, một đường từ phủ Quảng, một đường từ cửa ải Côn-luân, hãm luôn được hai châu Khâm và Liêm. Thổ-đinh châu Liêm có tám mươi thủ-thành đều bắt mang đội những quân lương binh-khí lên thuyền, rồi giết hết. Lại hãm châu Ung, giết thứ-tướng là Tô-Đam và giết dân đến hơn năm vạn. Vua Tống xuống chiếu cho Triệu-Tiết làm An-Nam-đạo hành-doanh đô-tổng-quản kinh-lược chiêu-thảo-sứ, Lý-Hiến làm phó-sứ, đem đại-quân sang đánh An-nam, liền bãi Lý-Hiến mà cho chức tuyên-huy Nam viện-sứ là Quách-Qùy làm chiêu-thảo-sứ, đổi Triệu-Tiết làm phó sứ.

« Năm thứ chín (1076) tháng mười hai, phá được ải Quyết-lý của quân Man (!) đến đóng ở bờ sông Phú-lương. Người Man đem tinh-binh bơi thuyền đón đánh, Quách-Qùy đánh phá được, giết được Vương-tử là Hồng-chân. Kiền-đức sợ, sai sứ đem biểu đến cửa quân xin hàng. Sông Phú-lương cách Kinh-đô không xa. Quách-Qùy không dám sang qua đó. Quan quân tám vạn, mười phần chết hết sáu phần, lấy được châu Quảng-nguyên, châu Môn, châu Tư-lang, châu Tô-Mậu và huyện Quang-lang, rồi về: bọn Quách-Qùy và Triệu-Tiết đều bị tội. Vua Tống xuống chiếu đổi châu Quảng-nguyên làm châu Thuận, cho chức tây-thượng cáp-môn-sứ là Đào-Bật làm tri châu, còn lại đều dùng tù-trưởng. Kiền-đức xin lại sửa chức cống, để đổi lại những châu huyện bị Tống cướp (sổ đoạ). vua Tống xuống chiếu rằng: « Nhà ngươi cai trị Nam-giao, đời đời tập phong vương-tước, mà lại bội đức trái mệnh, gây vạ chốn biên thùy, bỏ cái lòng trung thuận của tiền nhân, để phiền đến Triều-đình phải đem quân sang đánh. Quân vào sâu đến nội-địa, thế nguy cấp mới đầu hàng, xét đến tội trạng, thật là tuất bỏ chức tước, nhưng nay đã sai sứ sang công, dâng biểu rất thành kính, xét kỹ lời lẽ, biết là nhà ngươi đã hối lỗi. Trẫm vỗ yên muôn nước không kể gì xa gần, nhưng dân châu Ung, Khâm, Liêm, đã bị thiên bị cướp về xứ nóng, mất cả làng mạc xóm đồng, đợi giả hết về dân địa giới thì mới giả ngay châu Quảng-nguyên cho Giao-chỉ. » Kiền-đức lúc đầu hẹn giả những quan-lại nhân dân ở ba châu đến nghìn người, lâu rồi chỉ đưa giả có hai trăm hai mươi mốt người dân. Con trai từ 15 tuổi trở lên đều thích ba chữ « thiên-tử binh » ở chán, từ 20 tuổi trở lên thích chữ « đầu nam triều », đàn bà thì thích ở tay trái hai chữ « quan khách ». Cho cả vào thuyền để chở, bịt cửa sổ lại, ở giữa thắp đèn, mỗi ngày chỉ đi vài mươi dặm, lại giả cách đánh trống canh để báo: đi như thế vài tháng mới tới nơi, nói dối là đường bể xa xôi!

« Châu Thuận ở sâu về phía nam, quan quân ở thú, phần nhiều bị khí lam chướng, Đào-Bật cũng chết ở chỗ làm quan: Triều đình biết là chỗ vô dụng, bèn trả lại cả bốn châu một huyện cho Giao-chỉ. Nhưng mà châu Quảng-nguyên trước là cơ-mi của quân Ung, không phải là đất Giao-chỉ.

« Năm thứ năm hiệu nguyên-phong (1082) Giao-chỉ dâng hai con thuần tượng, và một trăm vừa tê-giác và ngà voi. Năm thứ sáu (1083) lấy cớ đuổi theo bắt Nùng-trí Hộ phạm vào châu Quy-hóa. Lại sai bề tôi là Lê-văn-Thịnh, sang Quảng-tây để biện lý về bờ cõi ở châu Thuận và châu Quy-hóa. Kinh lược là Hồng-Bản sai Tả-giang lang-tướng Kiều-Thành-Trác đến bội-nghĩ Lê-văn-Thịnh nói rằng: « Bồi-thần không dám trang trắc ». Vua Tống xuống chiếu cho Lê văn Thịnh là người biết tuân theo cái ý cung-thuận của Kiền-đức ban cho áo bào và đai, cùng năm trăm tấm lụa. Rồi lấy chỗ đất ngoài cõi là sáu huyện ở Bảo-lạc và hai động ở Tức-tang cho Kiền-đức. Khi Triết-tông lên ngôi (1086) gia phong đồng trung-thư môn hạ bình-chương sự. Trong đời Nguyên-hựu (1086-1092), thường dâng biểu đòi xin đất động Vật-ác và Vạ-dương, vua Tống không cho. Năm thứ hai hiệu Nguyên-hựu (1087) sai sứ vào cống, tiến phong Nam-bình-vương. Trong đời Huy-tông (1101-1125) dần dần phong đến kinh phủ nghi đồng tam-ty, kiêm hiệu thái-sư.

« Năm đầu hiệu Đại-ô (1107) cống sứ đến kinh mua các thứ thư-tịch, các nói: « Theo phép không nhưng vua Tàu xuống khen là biết mộ đạo thánh hiền; trừ những cấm sách bói, âm dương, lịch thuật số, binh thư, sắc thời vụ, biên cơ, địa lý,

(Xem tiếp trang

# MỸ - THUẬT VỚI VIỆC KIẾN - THIẾT QUỐC - GIA

AN SƠN *họa-sinh*

Từ khi nước ta bước lên con đường độc-lập, việc cải-tạo quốc-gia đã được mang ra bàn về mọi phương-diện.

Có lẽ vì không cần - thiết cho lắm, phương-diện mỹ - thuật hầu như chưa được ai nói tới. Nhưng, trong công-cuộc kiến - thiết, mọi việc phải đều hưởng-ứng ăn nhịp với nhau để cho có sự cân - đối điều-hòa trong toàn-thể, thì mỹ-thuật, — một nhành của văn-hóa, có phần quan-hệ đến nhiều điều cải-cách, — tất cũng cần phải được bàn đến triệt để.

Muốn biết việc mới phải làm, nên ôn qua chuyện cũ : cái tình hình Mỹ-thuật của nước nhà từ trước đến nay.

***

### Tình hình Mỹ-thuật

Xưa kia, nước ta không có một nền giáo - dục rõ rệt, bản hẳn, về Mỹ-thuật. Mãi đến năm 1925, nhà họa-sĩ Tardieu sáng lập ra trường Cao-đẳng Mỹ-thuật Đông-dương ở Hà-nội, thì Mỹ-thuật mới gọi là có tên và được một nhóm người săn sóc.

Trong 20 năm hoạt-động, việc giáo-hóa mỹ-thuật của trường Cao đẳng ra làm sao, cái kết quả mỹ thuật trong các phòng triển-lãm những gì, cái ảnh-hưởng Mỹ-thuật trong dân-gian như thế nào, là ba điều then chốt mở cho ta thấy cái tình hình mỹ-thuật của nước nhà ngày nay.

### — Trường Mỹ-thuật

*- Việc đào luyện.* — Biết rằng Việt-nam sẵn có thiên - tư nghệ-thuật, có thể xây-đắp một Mỹ - thuật huy - hoàng chẳng kém gì các dân-tộc văn-minh trên thế-giới, nhà sáng-lập ra trường Cao-đẳng Mỹ-thuật, đã định tâm đào-tạo cho ta những nhà nghệ-sĩ cao đẳng, xứng đáng với tài năng sẵn có. Trong lúc khởi đầu, cái ý đẹp ấy đã gặp nhiều sự cản trở khó khăn gây ra bởi một bọn thực dân Pháp ích-kỷ và cổ uy-quyền...

Họa sĩ Tardieu đã gây cho ta cái phong-trào Mỹ-thuật, sau khi đã vất vả lập lên trường với hai ban thiết-yếu : hội-họa và kiến-trúc.

Công-việc mới tạm gọi là thành, nhà sáng lập qua đời, nhà điêu-khắc Jouchère ở Pháp sang thay quyền quản-đốc.

Chân ướt chân ráo mới bước tới Saigòn, viên giám-đốc mới đã lên giọng « khai hóa ngu - dân » mà tuyên bố rằng người « bản xứ » chỉ có thể trở nên người thợ khéo tay, luyện cho họ thành nhà Mỹ-thuật thực là mơ-hồ, thất sách...

Thế rồi, cờ đã đến tay, nhà điêu khắc điêu-toa cùng với một giáo-sư giáo-giở đã tự tiện đem việc đào-luyện trong ban hội - họa từ bực « nghệ-sĩ cao-đẳng » xuống bực « người thợ khéo tay ».

*Ban hội-họa.* — Các môn cao siêu trong ban này, như vẽ lụa, vẽ sơn, khắc gỗ, chế kiểu trang-trí..., thì họ không cần dạy mấy. Họ chỉ chuyên chú đến nghề làm bình phong và khay, hộp bằng sơn ta, cái nghề mà họ không biết một tí gì để dạy, nếu không kể họ dạy chế kiểu. Nói cho đúng ra, chế kiểu họ cũng không cần dạy, vì họ tự bỏ trí lấy kiểu rồi để cho học-trò thực hành và phải tự tìm ra phương pháp chuyên môn mà làm nên tác phẩm.

Những tác - phẩm vàng son ấy nguyên là những thứ vẫn làm đẹp con mắt xanh của bọn thực-dân phú-quý, nhất là của các ông « to đầu » trong chính-phủ Đông-dương.

Họ đã bắt đầu thi-hành như thế cái chủ - định « luyện thợ khéo tay » để thực-hiện cái chủ nghĩa « nghệ-thuật vị nhân - sinh » theo như ý họ hiểu.

Sự biến-cải trong ban hội - họa đã làm thốt ra một câu chua cay mà không quá đáng : « Trường Cao-đẳng Mỹ thuật là trường nghệ sĩ thợ sơn ».

*Ban Mỹ-nghệ thực-hành.* — Vì chủ tâm luyện thợ khéo tay, khéo tay để hầu hạ, nên họ lập thêm ban mỹ nghệ thực hành vẻn vẹn với bốn nghề họ thích : 1) Đồ sơn, chuyên làm bình phong và khay, hộp, — 2) Đồ gỗ, tập đóng đồ trần thiết kiểu mới, — 3) Đồ gốm, học chế các đồ men sành và sứ. — 4) Đồ bạc, tập trạm các đồ bằng bạc và bản - lề, lá - đắp bằng đồng.

Thầy dạy các nghề ấy là người Pháp. Mang tiếng là luyện thợ khéo tay, chính các ông thầy nghề không có cái tay khéo, nghĩa là các ông phải dạy thực hành đấy, mà các ông không thực hành nổi.

Thầy đã không phải là tay chuyên-môn thực-hành chính-hiệu, thì học trò không được trực - tiếp truyền - thụ những phương pháp nhà nghề, phải tự tìm tòi lấy, kinh-nghiệm lấy trong công việc học mò làm thử ở nhà trường hay ở các xiềng tư.

Sự học tập trong ban này vì thế mà không có gì gọi là kết quả mỹ-mãn : chế kiểu không xảnh, thực-hành không thạo.

*Ban kiến trúc.* — Việc thay cũ đổi mới ở trường Mỹ-thuật không có ảnh hưởng gì mấy đến ban này. Chỉ duy có một điều đáng kể là, ở ban này cũng như ở các ban khác, thiếu giáo sư lành nghề và thừa giáo sư thiển học, không có một chút quan-niệm nào về tính-cách nền kiến-trúc cổ Việt - nam, có thể hướng dẫn học - trò vào những bước sai lầm đáng tiếc.

Việc học của ban này đã đem ứng dụng những điều tiện lợi tối tân vào các việc xây dựng mới mẻ ở nước nhà. Song cái tinh thần, cái cốt cách riêng biệt của một nền kiến trúc khả dĩ gọi là kiến trúc Việt - nam, thì hình như vẫn còn ở trong thời kỳ cấu tạo, chưa thấy phát lộ ra ngoài một cách rõ ràng.





*2. — Cách đối đãi.* — Việc đào thành đã sai lạc, cách đối đãi lại đơn bạc đủ đường, với sinh viên còn đang học, cũng như với nghệ sĩ đã tốt nghiệp rồi.

*Sự áp chế.* — Bất cứ một phòng triển lãm nào, một hội Mỹ-thuật nào, viên giám - đốc và mấy giáo sư cũng muốn đè đầu cưỡi cổ.

Họa-sĩ nào họ ưa, thì họ cho bầy nhiều tác phẩm và bầy vào chỗ tốt, giới thiệu với người giầu sang, tung bốc lên để cho nổi tiếng và bán được nhiều tranh. Người nào họ ghét, thì tác phẩm dù có đẹp cũng bị loại ra, nếu không thì bị bầy vào một số, và lại còn bị đèm - pha trước mặt người xem là dằng khác nữa.

*Sự chia rẽ.* — Trước sự áp chế cả về tinh - thần lẫn về vật-chất, nhiều nghệ-sĩ sửng cổ đã ngoảnh đi. Đồng thời, cũng lắm kẻ, muốn được ưu-đãi hơn người, đã dùng mánh khóe nhỏ nhen để ngấm ngầm sư phụ.

*3. — Việc sản-xuất.* — Cùng trong cái không khí nặng nề ấy, trường Mỹ-thuật vẫn hoạt động như thường, hoạt động để đem hàng năm bầy tám mươi vạn đồng cung dưỡng, bọn giáo sư đắc-dụng, và để sản-xuất thêm lớp nhân-tài không đắc-dụng.

Mỗi năm số họa sĩ tăng lên, số tác-phẩm cũng tăng gấp. Trong khi ấy, cái óc Mỹ-thuật của quần-chúng chưa được tập-rèn, người giầu sang thích đẹp và có tiền mua chỉ là số ít, cho nên việc tiêu-thụ họa-phẩm chỉ là việc họa-hoằn, và việc mưu-sinh bằng nghề hội-họa chỉ là mưu điều hú-họa.

Nhiều họa-sĩ vẫn yêu nghề mà phải gác bút vẽ để kiếm ăn bằng nghề nghiệp khác! Người nào còn cố deo đẳng, dùng ngòi vẽ vật sinh-nhai, thì sống một cách vất vơ vất vưởng, khó có dịp làm nên công-trình giá-trị để nêu danh. Duy có một vài người được cái đặc-ân bổ-dụng, và một vài người giầu tư sản có, là còn sản-xuất được nhiều tranh với cái hi-vọng mua danh hơn là kiếm lợi.

Không có cái kế để phù tá cho cái tài, thì danh lợi đừng hòng, và trước sau có ngày giải-nghệ.

### II. Mỹ-thuật trong phòng triển-lãm.

Hoàn cảnh đã bất lợi cho nghề, nghề không nuôi được cái người, nghề phải chết. Tự nhiên, nghề Mỹ-thuật, dù không có miếng mà có tiếng, vẫn sống vẫn còn, sống còn bằng hi - vọng và hi - sinh của phần nhiều nghệ-sĩ. Tấm lòng đẹp-đẽ ấy đã tỏ rõ ra trong các phòng triển-lãm đầy tác-phẩm công phu, quý-giá, đắt tiền.

*1. — Mỹ-thuật thiên-vị.* — Những tranh lụa mịn màng, tranh sơn sáng sủa, tủ mỹ-nghệ hay phong-cảnh với hình sắc diễm hòa, những tượng đắp đầy kỉ cốt thiên-nhiên, những bình-phong toàn vàng son lộng lẫy . . . , những tác phẩm đó, từ trước đến nay là thường thấy trong bầy, đã biểu-lộ ra cái tính-cách chung của nền Mỹ-thuật đương thời.

Nền mỹ thuật ngày nay quả là thanh tao cao quý, sán-lạn huy-hoàng; quả là nền mỹ-thuật « trưởng-giả ».

*(Xem tiếp trang 14)*

# ĐỂ ĐÍNH CHÍNH NHỮNG BÀI VĂN CỔ

Số 85

*Ưng hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

Quyển *Kiều* quốc-ngữ của ông Vĩnh in năm 1942 (tr. 44) và quyển *Kim Vân Kiều truyện chú* (bản sao chữ nôm của Trường Bác-cổ, số A B 233 tờ 21a) chép là « Chênh chênh bóng nguyệt xế mành. Tựa ngồi bên triện một mình thiu thiu ». Phường-bản của Quan-văn-đường (tờ 6 b) chép là « bên kỷ » đọc là « ghế » cũng được. Quyển *Đoan-trường tân thanh* của cụ *Kiều-oánh-Mậu* (tức kinh bản (tờ 5 b) chép là « bên triện » và chú bốn chữ « *triện*: triện kỷ giả », triện là ghế chạm triện. Cứ như thế thì triện với kỷ (ghế) là một, chứ không có triện là bao-lan như quyển *Kiều* đã dịch ra chữ tây.

Quyển *Kiều* của ông Vĩnh (tr. 44 chép là « Thoạt đâu thấy một tiểu kiều, Có chiều phong-vận, có chiều thanh-tân ». Kinh-bản chép là « Thoát », nhưng chữ nôm phải đọc là « Thoắt » mới đúng nghĩa. *Kim Vân Kiều chú* chép là « Bỗng đâu » phường bản chép là « Thốt » đâu », xem ra không bằng chữ Thoắt ».

— Các bản nôm đều viết « Sương in mặt, tuyết pha thân, Sen vàng lững-thững như gần như xa ». Bản quốc-ngữ (tr. 45) chữa là « Hồng in mặt », và chữ « lững-thững » viết là « lãng-đãng ». Tuy mặt chữ là « lãng-đãng » nhưng đọc ra nôm tôi phải đọc là « lững thững », nghĩa là đi bước một; câu ấy do điển: Đông hôn hầu nước Tề lấy vàng dát xuống đất, cho Phan-phi đi lên trên, rồi nói rằng: Bộ bộ sinh Liên-hoa » nghĩa là từng bước sinh hoa sen, vì chân đi lên trên vàng, thì có vết hình hoa sen.

— Câu « Vâng trình hội chủ xem tường, Mà xem trong sổ đoan-trường có tên », kinh-bản chép là « Mà sao trong sổ đoạn-trường có tên ? »

— Các bản nôm đều viết « Kiều vâng lĩnh ý đề bài, Tay tiên một vẻ đủ mười khúc ngâm »; duy kinh bản chép là « Tay tiên một vẫy » và chú rằng: « Nhất hay nhị tựu tốc » nghĩa là một vẫy, tức là làm nhanh.

— Phường-bản và chú-thích chép: « Gió đâu trạnh bức mành mành, Tỉnh ra mới biết rằng mình chiêm bao ». Kinh bản chép là « Gió đâu khua bức mành mành ». Quốc ngữ (tr. 49 chép là « sịch bức mành mành ». Các bản nôm viết chữ « trạnh » thì đọc là « trạnh » hoặc « sịch » cũng được. Nhưng nghe chữ « khua » có lẽ phải hơn.

— Bản Quốc-ngữ (tr. 52, phường bản và chú-thích chép: « Cớ sao trần-trọc canh khuya, Màu hoa lã-chã dầm dề giọt mưa ». Kinh bản và quốc-ngữ cũ (tr. 23) chép là « đầm đìa ».

— Hai bản nôm và quốc-ngữ mới (tr. 54) chép « Dạy rằng: Mộng triệu cứ đâu ». Kinh-bản chép là « Mộng ảo chắc đâu ». Đến câu dưới kinh-bản và chú-thích chép « Bỗng không mua não chác sầu nghĩ sao ! » Phường-bản chép « Bỗng không mua não chức sầu nghĩ sao ? » Quốc-ngữ mới (tr. 54) viết là « chuốc sầu nghĩ sao ! »

Các bản đều viết: « Ngoài song thỏ-thẻ oanh vàng, Nách tường bông liễu bay ngang trước mành ». Kinh bản và quốc-ngữ cũ (tr. 23) chép là « bay sang láng giềng ».

— Đến câu « Hiên tà gác bóng chênh-chênh », kinh-bản và quốc-ngữ (tr. 55) viết là « nghiêng-nghiêng ».

— Quốc-ngữ cũ (tr. 24), phường bản và chú-thích chép « Cho hay là thói hữu tình, Đố ai gỡ mối tơ mành cho xong », kinh-bản và quốc-ngữ mới (tr. 68) chép « là giống hữu tình ».

Phường-bản và chú-thích chép « Sầu dong càng khắc càng đầy »: chữ nôm phải đọc là « lắc ». Kinh bản chép là « càng gạt càng đầy ».

— Các bản đều viết « Mây Tần khóa kín song the, Bụi hồng lấp-

đẻo đi về chiêm bao ». Kinh-bản chép là « Bóng hồng ».

Quốc-ngữ (tr. 70) viết « Buồng (phòng) vắn hơi lạnh (rá) như đồng, Trúc se ngọn thỏ, tơ trùng phím loan ». Kinh-bản chép là « ngòi thỏ », phường-bản chép là « ngón thỏ ».

— Hai bản nôm và bản quốc-ngữ chép là « Vì chăng duyên nợ ba sinh, Làm chi đem thói khuynh thành trêu người ». Quốc-ngữ mới (tr. 71) chép là « những thói ». Kinh-bản chép là « Cớ chi đem giống khuynh thành trêu người ? ».

— Quốc-ngữ viết là « Một vùng cỏ mọc xanh rì, Nước ngâm trong vắt thấy gì nữa đâu ». Các bản nôm đều viết « Một làn ».

— Hai bản nôm và quốc-ngữ mới (tr. 72) viết là « Nghề riêng nhớ ít tưởng nhiều, Xăm-xăm đẻ nẻo Lam-kiều lần sang » Quốc ngữ cũ (tr. 25) viết là « Tình riêng ». Kinh-bản viết là « Trạnh riêng tưởng ít tình nhiều ».

— Phường-bản, chú-thích và quốc-ngữ mới (tr. 76) chép là « Nhận từ quán khách lân la Tuần giăng thấm-thoắt, nay đã thêm hai ». Kinh bản chép là « Nhẫn từ quán khách lân-la, Tuần giăng đếm đốt, nay đã thêm hai » và chua rằng : « Chữ nhẫn có bản viết là chữ nhận thì không phải : nhẫn là tiếng cổ-ngữ ở truyện *Hoa-tiên* thường dùng ».

— Các bản nôm đều viết : « Chiếc thoa nào của mấy mươi Mà lòng trọng nghĩa khinh tài xiết bao ! » Bản quốc-ngữ (tr. 81) viết « là của mấy mươi ».

— Quốc ngữ cũ (tr. 29) và mấy bản nôm đều viết « Sượng sùng giở ý rụt rè ». Chữ « giở » viết nôm « thủ » bằng chữ « dữ », thường đọc là « giở » ; nhưng chỗ này đọc là « giữ » như bản quốc-ngữ mới (tr. 83) thì mới xuôi nghĩa.

— Đến vế dưới : « Kẻ nhìn rõ mặt, người e cúi đầu », kinh-bản chép là « tận mặt ».

— Các bản nôm đều viết : « Xương mai tính đã thấm mòn, Lần-lần ai biết lấy ôn hôm nay ». Chữ thấm ấy nghĩa là lâu, cũng như chữ thâu canh, thâu đêm. Quốc ngữ mới (tr. 84) viết là « rủ mòn » thì không có nghĩa. Quốc-ngữ cũ (tr. 29) chữa là « gầy mòn » thì không hay, vì câu ấy có chữ tính ở trên, chữ lần-lần ở dưới, thì chữ thấm ở đây mới phải.

— Câu « Tháng tròn như gửi cung mây, Trần trần một phận ấp cây đã liều », kinh-bản chua rằng : « Tháng tròn là vừa một tháng. Nói trong một tháng gửi lòng ở trên cung trăng, cũng như người gửi gốc cây. Chữ tháng có bản viết là chữ nhân, chữ gửi có bản viết là chữ thỏ thì tối nghĩa, không giải nổi ». Cứ như thế thì câu « Nằm trên như cuội cung mây » của quốc ngữ cũ (tr. 29) không đúng.

— Phường bản và *Kim-Vân-Kiều chú* chép là « Sẵn tay bẻ quạt hoa quỉ, Với cành thoa ấy tức thì đổi trao ». Kinh-bản và quốc-ngữ mới (tr. 90) chép là « Sẵn tay khăn gấm quạt quỉ » Quốc-ngữ cũ (tr. 32) chép là « Khăn-tay gấm, quạt hoa-quỉ » Kinh-bản chua rằng : « Bản chữ có câu : Kiều dĩ cẩm-thuế kim-phiến hoán chi, nghĩa là Thúy-Kiều lấy khăn gấm, quạt vàng, đổi. Nên chữa là khăn gấm quạt quỉ mới đúng Nguyên-bản chép là bẻ quạt hoa quỉ, tai vô vị. Chư nho là kim phiến, mà lại chư quạt quỉ là vì vần ép, đổi cũng khó ».

*(còn nữa)*

*Ứng-hòe* NGUYỄN VĂN-TỐ

## ĐẠI NAM DẬT SỰ

*(Tiếp theo trang 9)*

thì cho mua cả. Cuối đời Chính-hòa (1117) lại xuống chiếu rằng : Người giao-chỉ từ đời Hy-ninh trở lại, hết thảy không sinh sự thôi không cấm chợ nữa.

« Năm đầu hiệu Tuyên-hòa (1119) thăng Kiền đức chức tư-không. Năm đầu hiệu Kiến-viêm (1127) Kiền đức dâng biểu xin cấm những binh-binh bản-đạo chôn vào trong cõi, Vua Tống xuống chiếu cho ty Kinh-lược Quảng tây phải ước thúc. Năm thứ tư hiệu Kiến-viêm (1130) Giao chỉ sang cống, nhưng bấy giờ biên thùy chưa yên, không phải sai người tới kinh. Phàm tiến cống phương vật gì, trừ vật hoa-mỹ xa xỉ thì không nhận, còn phương-vật khác thì cứ đem đến cõi giao cho ty Đề-hình ở lộ ấy xét theo lệ kê giá trả về, còn biểu-văn thì đệ về kinh, sai viện học-sĩ phụng sắc viết thư đáp lại : từ bấy giờ trở về sau hễ gặp kỳ vào cống thì cứ theo lệ ấy thi hành.

« Năm thứ hai hiệu Thiệu-hưng (1131), Kiền đức mất, (chỗ này sách Tàu nhầm. Lý Nhân-tông tức Kiền-đức mất năm thứ hai hiệu Kiến-viêm (1127) của Tàu, chứ không phải năm thứ hai hiệu Thiệu hưng) Còn là Dương-Hoán nối ngôi (chính là con nuôi). Năm thứ tám hiệu Thiệu hưng (1138) Dương-Hoán mất, con là Thiên Tộ nối ngôi, bên Tàu đều sai sứ sang tế điếu và truy-tặng quan tước, lại cho tự quản tập phong như trước. »

*(Còn nữa)*

*Ứng-hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

## Mỹ thuật với việc...

*Tiếp theo trang 11)*

Nhưng, với cái vẻ đài-các kiêu-kỳ, nó không khỏi có tính cách bợ đỡ, vì hình như nó có ý chỉ chiều chuộng riêng một phái, phải quyền sang giàu lớn.

Hẹp-hòi và ủy-mị như thế, nền mỹ-thuật ngày nay đã có một cái su-hướng chẳng ngay-lành, và không xứng-đáng gọi là nền quốc-gia Mỹ-thuật. Đó chỉ là một lối Mỹ-thuật « phụng-thờ » trong thời nô-lệ của một phe « hợp thời ».

2 — *Mỹ-thuật trung-chính.* — Nền Mỹ-thuật chân chính của một quốc gia phải có cái tinh-thần cao thượng với cái thái độ « nghệ-thuật vị nhân sinh ».

Chẳng những nó chỉ phô-diễn cái đẹp trong bức tranh Mỹ nhân mơ mộng tóc sõa vai trần, hay cái đẹp của pho tượng thiếu nữ khỏa thân, dủ vẻ thiên nhiên để khêu gợi cái nguồn tình-cảm, chẳng những nó chỉ phô diễn cái đẹp thuần túy ấy mà thôi, nó còn phải trưng bầy cái đẹp thiết-thực có bổ ích cho quốc kế dân sinh, tức là cái đẹp thông-thường làm tăng giá trị của mọi vật cần dùng cho đời quần chúng.

Chẳng những nó chỉ quanh quẩn ở chốn thị thành để trang hoàng lâu đài cho nhà phú quý, mà còn phải tràn lan về nơi nông dã để tô-điểm nhà cửa cho kẻ bình-dân.

Bất cứ ở nơi chốn nào, ở hình sắc nào, nó cũng tỏ rõ cái tinh thần đẹp đẽ riêng biệt của một dân tộc có hồn.

### III Mỹ-thuật trong dân-gian

Nền Mỹ-thuật chân-chính của một quốc-gia, như trên đã nói, chẳng những chỉ phát hiện ở bức tranh hay pho tượng, mà còn phải được phô-trương ở những thứ thiết dụng cho đời, như phố-xá nhà cửa, đồ đạc, áo xiêm,....

Cái phần Mỹ-thuật thiết-thực này, hầu như đã bị bỏ quên, không được chịu ảnh hưởng tài năng của các nhà nghệ-sĩ Việt-nam là mấy

1.— *Thành phố.* — Các thành-phố của ta đều do người Pháp sửa sang xây dựng theo những nguyên tắc Mỹ thuật tối tân.

Những khu mới thành lập, với những công-trình kiến trúc và điêu khắc lớn lao, có thể gọi được là những mảnh thành-phố đẹp ở bên Tây mà họ đã mang sang lắp vào với phố-xá cũ của ta.

Đẹp thì có đẹp thực, nhưng cái Mỹ-thuật đó là hoàn-toàn ngoại quốc : nó không biểu lộ tý gì gọi là tâm-hồn nghệ-thuật của người Việt-nam. Nó không phải là Mỹ-thuật nước nhà.

Hơn nữa, những công-trình điêu-khắc để kỷ niệm danh-nhân của họ, chỉ biểu-dương cái vinh quang của kẻ đi xâm lăng, tức là chỉ phơi bầy cái nhuốc-nhơ của người mất nước, thì cái Mỹ-thuật ấy có gì là hân-hạnh cho ta.

2. — *Trần-thiết* — Các bực tân trí thức, phần nhiều dùng đồ đạc kiểu tây.

Đồ trần thiết kiểu tây đẹp lắm, tiện lắm, nhưng cái bộ mặt ngoại quốc của nó khiến cho ta chỉ tưởng chả nhân là người ngoại quốc, không có cái tâm hồn Việt nam.

Những nhà giàu sang nền nếp và ở các gia-đình bình dân cách trang hoàng nhà cửa không có gì là mỹ thuật.

3.— *Hóa phẩm.* — Cùng trong một cảnh ngộ, vật cũng không khỏi như người : hai tiếng « nội hóa » cũng hàm cái ý nghĩa kém hèn như hai tiếng « bản sứ ».

Muốn được coi ngang hàng với ngoại hóa, và được tiêu thụ dễ dàng, những sản-phẩm của công-nghệ ta để thay thế các hàng ngoại quốc, cũng phải khoác một cái vỏ ngoài cực kỳ ngoại quốc.

Mỹ-thuật trang-sức cũng phải chiều đời mà đã trá-hình vẽ lối văn-minh cho hàng nội-hóa.

***

Cứ như những điều nhận xét kể trên, thì nền mỹ-thuật của ta hiện nay có hai trạng-thái khác nhau :— Cái trạng-thái ở phòng triển-lãm thì hẹp-hòi sa-mị— Cái trạng-thái trong chốn dân-gian thì phức-tạp. Cả hai khuynh hướng đều có căn-nguyên ở nền giáo-dục khiếm-khuyết và lỗi lầm của trường mỹ-thuật.

Với hai cái trạng-thái ấy, mỹ-thuật của ta tự thú là kém-hèn, thiếu-thốn, khiến cho sức mạnh ở ngoài nó xâm-nhập, tràn lan, làm cho cái tinh thần mỹ-thuật của giống-nòi sẵn có từ xưa, trở nên mờ-ám, nếu không có lúc phải tiêu tan, thì cũng có ngày phải hoàn-toàn ngoại-hóa.

Cái tình-trạng mỹ-thuật điêu-khiển ấy cũng là tình-trạng cái tâm-hồn rời rã ngả-nghiêng của một dân-tộc đã bị áp chế lâu ngày, đã chịu nhiều ảnh-hưởng xấu-xa của người ngoại quốc :

AN-SƠN họa-sinh

## VŨ - PHẠM KHẢI

(Tiếp theo trang 6)

đốt nến để xem các tập án dần do suy nghĩ, tìm những lẽ cởi tội không được rồi mới buộc tội. Có một án mạng, quan hữu-tự đã buộc tội lầm, đem ra đình duyệt (2), ông Trương Đăng Quế lại bênh vực, bảo là án ấy kết phải, nhưng ông Vũ không theo. Ông Trương nói :

— Tôi phụng duyệt quyết y án ấy.

Ông Vũ nói :

— Tôi ở bộ quyết bác án ấy.

Hai ông thành ra cãi cọ nhau. Ông Trương nói :

— Ông không nghe theo nhời tôi à ?

Ông Vũ nói :

— Vì pháp luật nên tôi không dám theo ngài.

Ông Hà-Duy-Phiên sợ hai ông thất hòa, đứng lên điều giải. Ông Vũ nói :

— Ông định binh tôi hay là binh ông Trương ? Nếu binh ông Trương thì thiết tưởng địa vị như Trương tướng-công, không cần phải đến ai binh cả.

Ông Hoàng Quỳnh ở bên cười bảo :

— Ngày nay lại có người dám trái ý một vị đại-thần như vậy ?

Chốc lát hội triều, vua hỏi về án ấy, ông Trương hòa tâu như ý kiến ông Vũ ; ông Vũ thấy vậy cũng phục cái lượng của ông Trương.

***

Rồi ông cải thụ chức Hồng-lô tự - khanh, sung làm Toản tu ở Quốc-sử-quán. Năm ấy có lễ Ninh-lăng đức Thánh-tổ, vua Hiến-tổ đi chân không đưa đám, khóc lóc thảm thương, ông tiến đến tâu rằng :

— Đạo hiếu của đế vương là phải lấy tôn miếu làm trọng, thiên-hạ làm trước, xin bệ hạ nên nghĩ kỹ.

Vua cho làm phải.

Năm thứ 2 có việc bang-giao, ngự giá ra Bắc, ông phụng sung vào chức Hộ-tá ở kinh, kiêm làm việc Binh - bộ. Xa giá hồi loan, ông lại sung vào chức cũ. Bấy giờ Sử quán soạn bộ *Liệt - thánh thực-lục tiền-biên, Thế-tổ Cao hoàng-đế thực-lục chính - biên*, và *Thánh tổ nhân hoàng - đế thực lục chính biên*. Quốc triều buổi mới xây dựng công việc rất nhiều, mà từ năm Đinh-mão (1787) trở về trước, sự biên ghi đều thiếu thốn, từ năm Mậu-thân (1788) đến năm Tân-dậu (1801), những di-thảo còn lại ít nhiều, sự hạ bút biên chép thật là rất khó. Ông cùng với các bạn đồng quan kiếm tìm góp nhặt, trước soạn bộ *Tiền biên thực lục*, rồi sau đến những bộ *Chính biên*. Chánh phó tổng tài ở sử-quán khi ấy là các ông Trương đăng Quế, Võ xuân-Cẩn, Hà Duy-Phiên, Nguyễn trung Mậu, còn những chức Toản tu như ông thì có các ông Đỗ Quang, Tô Trân và Phạm Hữu-Nghi.

Sử cũ nước ta vẫn có nhiều điều thiếu thốn, ông đã làm việc sử, bèn để ý thu thập những sách như *Hiến-chương, Phả biên lục Bang - giao chí, Thù việc tư tu, Tam bình, Hoàng Lê nhất-thống chí, Tây-sơn liệt truyện*, những bản ghi chép về các xứ Trấn-ninh, Trấn-định, Nam-chưởng, Ai-lao Tiêm la, Cao-man, Chân-lạp, Trấn-tây cùng các nước ngoài, nhất nhất sưu tập lại ; lại thường thu thập những dấu tích giấy má cựu-triều, những tờ chữ vụn vặt ở dân gian, những sự tích bách thần do các làng khai, cho đến những phả ký của các cố gia, họp tập cả lại để định sẽ có ngày đem dùng vào việc bổ khuyết cho sử sách. Rất tiếc rằng sau bị bỏ hoang, bao nhiêu những tài liệu quý báu ấy đều bị thần lửa cướp đi mất.

***

Năm Thiệu-trị thứ 4 (1844) ông được cải thụ chức Hàn lâm viện Thị độc học sĩ, tham biện công việc tòa Nội-các. Năm thứ 5, thăng lên Thông-chính phó sứ, vẫn làm việc ở tòa Nội-các. Một hôm làm thơ ứng chế, khi dâng thơ lên, gặp lúc vua đương dùng cơm, ngài xem thơ vui vẻ, rồi sai lấy cơm rượu ngự dụng ban cho. Lại một hôm đình thần cùng họa thơ của vua, vua thường sai người ra thúc giục, và hỏi các - thần Vũ phạm Khải đã làm xong chưa, ông nói là còn câu kết chưa xong. Vua sai đọc cho vua nghe rồi tục bộ câu kết. Nhân thế sau trong tờ biểu tạ ông có câu rằng :

« *Cẩm uyển phi tràng, tửu - bái thượng phương chi huống quỳnh duyên tứ cú, tiếp thừa thiên ngữ chi ôn.* » (3)

(còn nữa)

TRÚC-KHÊ

(2) *Các quan đình-thần duyệt lại.*

(3) *Vườn cấm cho chén rượu thượng tiếp quỳnh ban câu thơ thiên ngữ.*

# VIỆT-NAM VĂN-HỌC-SỬ

Số 15

*Ứng-hòe* NGUYỄN-VĂN-TỐ

Chương thứ mười bốn ở quyển *Việt Nam Văn Học Sử Yếu* của ông Dương quảng Hàm nói về « Phép đối và thể phú trong văn Tàu và văn ta : phú văn-tế ». Dưới chữ « đối » ông Hàm chua « chữ nho là *đối ngẫu*, đối : sóng nhau ; ngẫu : chẵn, đôi » (trang 126). Chỗ ấy nên thêm hai chữ « biền ngẫu » vì chữ « đối ngẫu » nghĩa thứ nhất là « cặp đôi, sánh đôi » (phối ngẫu), đến nghĩa thứ hai mới là lối văn.

Cùng trang 126, ông Hàm cắt nghĩa « Thế nào là đối ? », rồi ông nói : « ... trong phép đối, vừa phải đối ý vừa phải đối chữ Xem như không đúng, vì đối có nhiều cách : có khi dùng ý đối nhau, có khi dùng hữ đối nhau ; lại còn có lối đối tiếng, thí-dụ ba chữ « thiên tải hạ » nghĩa là « dưới nghìn năm » đối với ba chữ « nhất gia xuân » nghĩa là « một nhà xuân » ; cứ kể ra thì chữ « hạ » là « dưới » không thể đối với chữ « xuân » là « mùa xuân », nhưng đối tiếng thì « hạ » đồng âm với chữ « hạ » là « mùa hạ » nên có thể đối được. Còn một lối nữa, là lối đối *thế*, thí dụ câu « Giồng lau hóa mía, củ tía hóa củ mài » đối với « Chữ tác đánh tộ, chữ ngộ đánh chữ quá » một bên ba chữ « chữ » đối với một bên hai chữ « củ » một chữ « g ồng », thì không cân, nhưng đây là lối đối *thế* nên có thể đối được, vì cái *thế* câu bắt phải như vậy : [illegible] *thế* thường là những câu sẵn (thành ngữ) [illegible] cách-ngôn, phương-ngôn, tục-ngữ, v. v. [illegible] thì câu của ông Hàm nên chữa là « trong phép đối, có nhiều cách : có khi dùng [illegible] có khi dùng chữ lái có lối đối tiếng và đối [illegible] nữa » ; chứ không phải trong một câu « *vừa* phải đối ý *vừa* phải đối chữ », vì bắt buộc cả ý lẫn chữ phải chọi nhau thì khó lắm, ít người làm nổi, mà câu-nệ quá thì hóa nát.

Ông Hàm lại nói : « Ngày xưa các cụ chia các chữ ra làm *thực-tự* hay *chữ nặng* như : trời, đất, cây, cỏ, và *hư tự* hay *chữ nhẹ* như : thế, mà, vậy, ru... » Đoạn này nên giảng nghĩa cho rõ thế nào là thực-tự, hư tự. Thực-tự có hai nghĩa : nghĩa thứ nhất là những danh-từ (có tên là danh-tự, như : trời, đất) chữ thay danh-từ (có tên là đại-tự, như : tôi, anh), động-tự (như : nói, làm), tĩnh-tự (có tên là hình-dung từ, như : lớn, nhỏ) ; phàm chữ gì có thể hình-trạng được, đều là thực-tự. Còn hư-tự là những chữ trái với thực-tự, tức là những tiếng trợ-ngữ. Nghĩa thứ hai : thực-tự là những danh-từ, còn ngoài ra đều là hư-tự, thí-dụ câu « xuân phong phong nhân, hạ vũ vũ nhân » nghĩa là « gió xuân làm mát người, mưa mùa hè làm ướt người » thì chữ « phong » trên (nghĩa là gió) và chữ « vũ » trên (nghĩa là mưa) là thực-tự, còn chữ « phong » dưới (nghĩa là mát) và chữ « vũ » dưới (nghĩa là ướt) là hư-tự Nghĩa thứ hai của thực-tự, hư-tự cũng như nghĩa chữ « nặng » chữ « nhẹ » của các cụ tiền-bối, thí-dụ : « Tôi ăn cơm » thì chữ « tôi » và chữ « cơm » nặng, chữ « ăn » nhẹ. « Đến bữa ăn » thì chữ « ăn » lại là nặng, chữ « đến bữa » là nhẹ Câu ông Hàm không rõ nên đến câu dưới, là câu : « Khi đối thì thực-tự phải đối với thực-tự, hư-tự phải đối với hư-tự » cũng không rõ, vì đã không phân được chữ nào là nặng, chữ nào là nhẹ, thì đối làm sao được ? Vậy đoạn ấy nên chữa như thế này : « Ngày xưa các Cụ chia ra làm chữ nặng chữ nhẹ, cho nên khi đối cũng phải tìm chữ nặng đối với chữ nặng, chữ nhẹ đối với chữ nhẹ, cho cân xứng nhau. Nhưng cũng có một đôi khi không theo lề lối ấy, là lối đối *thế* và đối *tiếng* » như trên kia đã nói.

Trang 128, ông Hàm dẫn câu : « Con ruồi đậu mâm xôi đậu ; cái kiến bò đĩa thịt bò » làm thí-dụ lối « song-quan » « Hai cửa tức là những câu đối từ năm chữ đến chín chữ). Chữ « Song » là « hai ; đôi » mà câu thí-dụ lại có hai chữ « đậu » đối với hai chữ « bò », e có người tưởng lầm như thế là lối chơi chữ (jeu de mots) của Âu-tây, mà lối đó của ta gọi là *đối tiếng*. Vậy nên lấy câu thí-dụ khác, như câu trong *Cổ-xúy nguyên-âm* của cụ Đông-châu Nguyễn-hữu Tiến ; câu ấy như thế này « Suối liêm mấy kẻ đầm-đìa, Đường lợi đua nhau chen-chúc » (trang 62, cuốn thứ nhì).

Trang 129, ông Hàm « định nghĩa Phú (nghĩa đen là bày tỏ, mô-tả) là một thể văn có vần dùng để tả cảnh-vật, phong-tục hoặc tình-tình ». Chỗ chua « nghĩa đen là bày tỏ, mô-tả » nên xóa đi, vì chữ « Phú » có đến chín nghĩa, nghĩa thứ bảy là « bày tỏ », nghĩa thứ tám là « thể văn », chứ không phải có một nghĩa đen là « bày tỏ » mà thôi. Còn nghĩa là « thể văn » thì thiếu « vịnh sự đời », thí-dụ bài phú *Thế-tục* (trang 63, cuốn thứ nhì, *Cổ-xúy Nguyên-âm*) mở đầu rằng : « Ngán thay thế tục ! Ngán thay thế tục ! Nước chảy bến mê, gió hun lửa dục ! . . . » Vậy nên chữa như thế này : « Phú là một thể văn có vần, dùng để vịnh sự đời, tả hoặc vịnh phong-cảnh, tình-tình và phong-tục, không hạn số chữ số câu, nhưng phải đối nhau ».

Trang 131, Dưới chữ *Phu-diễn* nên thêm câu « hay gọi là vần *thôi-hiệu*, nghĩa là nối suy rộng ý đầu bài ra, rồi từ vần sau trở đi thì nghị luận mà tổng kết lại » (trang 63 cuốn thứ nhì, *Cổ xúy Nguyên-âm*).

Trong thể phú không thấy ông Hàm nói đến lối *Sở-từ*. Sở là nước Sở, từ là lời. Lưu Hướng-Biểu nhà Hán chép những bài phú của Khuất-Nguyên và Tống-Ngọc làm một quyển, gọi là *Sở-từ*. Khuất Nguyên người nước Sở, Tống-Ngọc là học-trò cũng người nước Sở, nên gọi là *Sở-từ*. Lối phú ấy thường đệm chữ « hề » ở cuối câu hoặc chỗ ngắt câu. *Cổ xúy Nguyên-âm* (trang 91, cuối thứ nhì) in bài phú *Thầy-đồ*, nhưng giảng hơi khác, nay tôi sao ra đây và giảng như sau này :

*Ê (1) ! thầy đồ chi hữu tác hề !*
*Khương (2) chữ tốt nhi văn hay.*
*Truyện Thúy-Kiều kỳ đọc ngược hề !*
*Kinh Tam-tự kỳ viết ngay.*
*Thi nhân-chính (3) ư khuyên điểm hề !*
*Trấn thiên-uy (4) ư roi mây.*
*Dữ lễ-sinh nhi bất nhược hề ! (5)*
*Tỉ tổng lý nhi nan tầy (6)*
*Phương (7) nhà chủ chi cung dưỡng hề !*
*Toại (8) ngất ngưởng nhi vi thầy.*
*Cập (9) nhà chủ chi bất cung dưỡng hề !*
*Rồi ông xem phù (10) chúng bay !*

Nghĩa là :

Ê ! thầy đồ sắp tới vận làm nên chăng !
Thật là chữ tốt mà văn hay.
*Truyện Thúy-Kiều* thì thầy đọc ngược,
*Kinh Tam-tự* thì thầy viết ngay (viết liền).
Những lúc chấm bài khuyên điểm, ấy là thầy thi nhân-chính đó.
Những lúc roi mây đánh đập, ấy là thầy trấn thiên-uy đó.
So với lễ-sinh thì thầy không bằng,
Ví với tổng lý thì thầy khó sánh.
Đương khi nhà chủ còn nuôi,
Thì thầy ngất-ngưởng làm ông thầy.
Đến khi nhà chủ không nuôi nữa,
Chúng bay sẽ biết ông ra làm sao !

(*Còn nữa*)

*Ứng-hoè* NGUYỄN-VĂN-TỐ

---

*1) Chữ ê Cổ-xúy nguyên-âm cắt nghĩa là kêu, nhưng tôi tưởng là tiếng chê giễu, bảo g ở lời con hãy còn dùng.*

*2) Khương cũng như chữ thực.*

*3) Nhân chính là chính-sự nhân-đức, nói được làm quan văn.*

*4) Thiên-uy là oai trời, nói được làm quan võ.*

*5) Lễ-sinh là chức phụ thuộc của bộ Lễ xưa. Bất nhược là không bằng.*

*6) Nan tầy, tức nan tề, là khó sánh kịp.*

*7) Phương là đương khi. Cung dưỡng là cung nuôi.*

*8) Toại là bèn.*

*9) Cập là kịp.*

*10) Phù là tiếng trợ-ngữ (trợ-từ).*

Chung quanh việc khởi nghĩa Bãi Sậy [1]

# MỘT ÔNG HUYỆN SUÝT BỊ ĐÒN

TIÊN-ĐÀM

Ở dinh ông Công sứ De. M... ra ông huyện P. C. quay lại bảo viên đội lệ:

— Này thầy đội! năm người ấy ta cứ việc đưa nộp quan sứ rồi tùy ngài phân sử, ta biết thế nào mà giải sang Cụ Tiễu! Phải không!

— Dạ!

Vừa đi vừa chuyện.

Cả hai đều lên ngựa đi về phía P. C.

***

Năm người ấy là ai?

Là hai viên Bá hộ giầu nhất hạt P. C và 3 viên vừa cử tú cũng trong hạt ấy.

Quan huyện P. C. cũng do chân cử nhân xuất thân còn trẻ lắm, mới ngoài 20 tuổi, nhân lại gặp kỳ phái bộ sang Pháp ông qua Pháp công cán giở về được đặc-cách bổ tri huyện P. C.

Giống như mọi hạt trong tỉnh Hưng-yên quan Tiễu phủ cũng sai viên Bát phần đem trát về đòi những tên tình nghi là « thông phỉ » trong hạt P. C...

Trát đến. Ông huyện không ngờ đã thết đãi ông Bát tử tế lại [illegible] xin tự minh, thân dẫn năm tên [illegible] nghi lên tỉnh, nhưng rồi không [illegible] ông nghĩ sao, đã đem năm người ấy giải sang quan sứ mà [illegible] sứ cũng không rõ đầu đuôi [illegible] thế nào lại có năm tên « giặc » lạ [illegible] như vậy.

***

Sáng hôm ấy, trong dinh tuần phủ Hưng-yên, quan Tiễu phủ ra hầu sớm hơn, ngài bồn khoăn như có sự gì không được như nguyện.

Thập thò ngoài hiên có bóng người, ngài lên giọng hỏi:

— Đứa nào ngoài ấy, hay!

Ông Bát — vì chính là ông bát — rón rén vào chào rồi gãi tai bẩm:

— Bẩm... bẩm Cụ Lớn, hồi đầu tháng Cụ lớn có sai con xuống P. C... con có giáp anh huyện... nhưng anh ấy khất thân giấn cả năm tên lên hầu... rồi.....

Đến đây, quan Tiễu phủ nóng mặt cau mày hỏi:

— Rồi sao?

— Dạ!... rồi không hiểu sao anh huyện P C lại giải năm tên lên cho quan sứ.

— Hừ! quân gớm thật!

Nghe tiếng quan Tiễu phủ «Hừ» ông Bát cả sợ len lét lui ra để mặc quan Tiễu phủ với cả nỗi tức giận của ngài

***

Năm tiếng trống báo đồng đạc, lính tập gác dinh Tuần phủ một tên chạy ra mở rộng hai cánh cổng, còn hai tên nữa đứng trước «bóp» gác do viên cai hô:

« Lê dăng tê ứ! » đều bồng súng đứng ngay người chào khi chiếc xe kéo cao lênh khênh của ông công sứ De M... đi qua, theo sau là xe tay viên thông ngôn.

Bên trong, quan Tiễu phủ mặc áo gấm sa, mũ hồng, đeo bài ngà đứng trên thềm công đường đón chào.

Viên công sứ xuống xe bỏ mũ niềm nở bắt tay quan Tiễu phủ, cả hai ngài đều vào công đường an tọa.

Lính trà rón rén chuyên nước và đằng sau hai quan đầu tỉnh lặng lẽ hai chiếc quạt lông tay đều nhẩu nhô lên hạ xuống để xua đuổi sức nóng của một buổi sáng hè.

Ông Công sứ sau khi nhấp một chén trà sẽ quay lại tìm viên thông ngôn, viên này tiến lại gần, ông Công sứ nói mấy câu tiếng Pháp, viên thông ngôn dịch:

— Bẩm Cụ Lớn! chiều bữa kia, bản chức có tiếp viên tri huyện P. C... thân dẫn năm tên trong hạt là Bá mỗ Bá mỗ và Cử mỗ Tú mỗ Tá mỗ. Theo nhời viên ấy trình năm tên này có đi lại với đồ đảng Tán Thuật và giúp đỡ tiền nong việc ấy có phải Cụ Lớn cho trát đòi không? Hiện năm người còn chờ cả bên tòa sứ.

Quan Tiễu phủ mắt chớp hơi nhanh, tay vịn chặt vào dựa ghế bành, ôn tồn giả nhời:

1) xem Tri-Tân số 195 và 196.

— Nhờ thày bẩm với Quan Lớn quả nha tôi có cho đòi năm tên ấy nhưng đã truyền cho tri huyện P. C, xét trước rồi sẽ bẩm lên, nếu viên ấy đã thân giải nhằm lên, xin quan Lớn cho lấy cung ngay rồi nếu quả chúng vô can cho họ « tại ngoại ».

Viên thông ngôn nói lại bằng tiếng Pháp ông Công sứ cười mỉm gật đầu ra giáng hiểu rồi, sau vài ba câu truyện nữa, xin cáo biệt ra về, quan Tiễu phủ tiễn ra, lính lại bồng súng chào khi ông công sứ và viên thông ngôn lên xe qua cổng.

***

Trong công đường tuần phủ, tiếng thét, tiếng mắng ầm ĩ, không biết sáng nay có gì mà lôi đình quan Tiễu phủ đã lên đến cực điểm.

Trong lúc ấy tơ tào lon lét, lính tráng nín hơi, thì một viên quan trẻ tuổi, đeo bài ngà, xuống ngựa ngoài cổng đình, bỏ nón, sửa lại khăn áo, gọi tên cai việc sẽ bảo :

— Bác vào bẩm hộ Cụ Lớn có tôi tri huyện P. C. xin vào hầu.

Viên cai việc dón đến lên thềm, chụt dép, vào trong, rồi ra nét mặt vẫn còn sợ hãi vì sức viên ấy ra đến thềm, còn có tiếng quát theo.

— Bảo nó lên đây ! !

Ông huyện P. C. lên thềm vào công đường vừa chắp tay chào, miệng nói :

— Lạy Cụ Lớn

Thì một tiếng chát, cái ống thuốc tròn bằng bạc đã do tay quan Tiễu phủ dần trên mặt sập, tiếp theo một câu nói nửa quát, nửa thét

— À, anh P. C. à anh đã vào mặt lên đấy phải không ? anh không coi tôi ra gì phải không ? ai chả biết anh đi tây về ! ai chả biết anh đã ngửi c... tây ! đấy anh làm việc với ấy thì sang mà làm với nó ! bước ! bước !

Ông huyện P. C. đứng chắp tay mặt tái mét, người run như rẽ, chưa kịp nói gì, quan Tiễu phủ lại lấy tay chỉ vào mặt ông nói to.

— Này, tôi truyền đời cho anh biết ! anh tưởng anh lấy thế Tây mà làm gì tôi ! đã thế mai tôi sai lính nọc cổ anh ra chợ tỉnh đánh cho mấy chục cho anh biết tay, anh đã vi lệnh, việc quân, cứ chiếu quân pháp ! nghe chưa !

Rồi như tức đến cực điểm, quan tiễu phủ xuống sập, sỏ chân vào đôi văn hài hầm hầm đi vào nhà trong bỏ mặc ông huyện P. C... lủng tủng lui ra thềm nhà công đường.

***

Chiều hôm ấy, trong tư thất ông Án sát Hưng yên có một bà cụ đang ngồi sụt sịt, còn ông Án thì ngồi trên ghế bành đối diện với bà lặng lẽ nghe bà vừa khóc vừa nói :

— Quan Lớn là người tốt, tất cả các quan trong tỉnh đều mến, ngay đến Cụ Tuần cũng nể, quan Lớn làm ơn nói giúp cho nhà huyện nhà tôi nếu không mai chầu phải đòn thì còn thể diện nào.

Như suy nghĩ, ông Án sẽ đề cái quạt nan sương trên bàn, ôn tồn nói.

— Thưa cụ, quan huyện nhà thật sơ ý quá ! nay việc đã lỡ, Cụ Tiễu phủ quá nóng... vâng... Cụ đã lên chơi, tôi xin đưa quan huyện sang nói hộ.

Được nhời như cất gánh nặng, bà cụ quay ra phía sau gọi ông Huyện lúc ấy cũng ngồi sau mẹ, mặt cúi xuống không nói gì cả.

— Này, anh huyện, thôi anh chịu khó theo quan Lớn sang bên dinh tạ tội đi, cho mẹ khỏi khổ... nhục.

Như cảm động, ông huyện sẽ giả nhời :

— Vâng.

***

Trong tư thất nhìn ra vườn hoa thấp thoáng dưới bóng đèn ba giây, quan Tiễu phủ đang ngồi trên sập sơn son thiếp vàng giựa vào gối xếp, trước mặt có một đĩa to bày hoa quả, ngài vừa dùng cơm xong đang ngồi uống nước. Tên người nhà vào chắp tay bẩm.

— Bẩm Cụ Lớn có quan Án xin vào hầu.

Nét mặt bỗng vui hơn, ng truyền :

— Ra mời quan án vào trong này.

Theo lối giữa vườn hoa, ông Án, khăn nhiễu, áo the tiến vào tư thất chắp tay chào,

— Lạy Cụ Lớn !

— Không giám ! Quan Lớn sang chơi vừa may có mẫu ngon lợ mới bắn lúc chiều, lên đây...

Vừa nói vừa ra hiệu mời ông Án ngồi vào sập.

— Tạ ơn Cụ Lớn ! chúng tôi không giám

Cung kính, ông án ngồi vào cái ghế dầu kê cạnh sập, lính truyền trà, hai quan nống một chén trà, ông án bằng một giọng nghiêm trang nói.

— Bẩm Cụ Lớn ! vừa rồi ông huyện P. C. vì còn trẻ người non gia chót sức phạm đến Cụ Lớn, Cụ Lớn định chiếu quân pháp mai đem đánh đòn ở chợ tỉnh... chúng tôi tưởng... Không kịp để ông án nói hết, quan Tiễu phủ ngắt lời.

— À cái thằng huyện P. C. tôi đã nhất định cho nó một trận ! nó giám trêu cả tôi.

— Dạ, đành vậy, nhưng xin Cụ Lớn nghĩ lại, nếu mai Cụ Lớn truyền đánh ông huyện P. C. dù là một hai roi, nhưng cái thể diện của quan lại tỉnh này tồi ra sao ?

— Việc ấy có can gì đến các quan, tội nó làm nó phải chịu tôi không thể tha thằng ấy được !

Lặng im một phút, quan án nói tiếp.

— Chúng tôi cũng biết cụ Lớn nhất định như thế, nhưng vì quan lại tỉnh này tôi sang xin cụ còn cô khoan nhất thứ cho ông ấy...nếu ông ta bị đòn, anh em chúng tôi không còn mặt mũi nào làm việc ở tỉnh này nữa...Cụ Lớn nghĩ lại cho.

Nghe ông án đã nghiêm trang lại bình tĩnh phân trần, quan Tiễu phủ nhường như cũng đã bơi người người :

— Vâng ! quan Lớn nói thì tôi nể, nhưng rồi tôi cũng phải trị thằng ấy !

— Bẩm cụ Lớn, cụ Lớn là thượng tì thượng đến đâu ông ta nhờ đến đấy... Trộm phép cụ Lớn tôi cũng có bảo ông Huyện P. C. cùng sang nhưng còn chờ ngoài sân, xin phép cụ Lớn cho ông ta vào tạ tội.

Thấy quan Tiễu phủ lại ngồi im, đoán biết như ngài đã bằng lòng, ông án sẽ bảo tên lính pha trà ra gọi ông huyện P. C. vào.

Ông huyện P.C. cúi đầu vào đến thềm thấy quan Tiễu phủ ngồi trên sập, dưới ánh đèn hai mắt vẫn còn có vẻ giận giữ, chừng như ông án đã giặn rồi nên ông tiến đến trước sập sụp lạy, rồi cứ thế lên gối, xuống gối.

Lạy được hai lạy, quan Tiễu soay người quay mặt vào vách không thèm nhìn ra và cũng không truyền bảo gì cả.

Ông huyện cứ lạy mãi đến hơn 20 lễ, ông án ngồi đấy thấy thế lấy làm bất mãn và cũng thương tình, vội đứng lên kêu xin.

— Bẩm cụ Lớn, thày huyện P.C. dù sao cũng là tôi con ở hạt hạ Cụ Lớn, Cụ Lớn đánh kẻ chạy đi, nhưng không đánh kẻ chạy lại, xin cụ Lớn nguôi dận và tha thứ.

Quan Tiễu phủ lúc ấy mới ngồi quay ra, ông án ra hiệu bảo ông huyện đứng lên, chắp tay cúi đầu, quan Tiễu phủ cười gằn nói

— Tôi cũng khen thày ! thày làm việc quan giỏi lắm chả giỏi mà lại đi ngửi c... tây, thày đã thấy chưa.

Ông huyện sẽ nói.

— Lạy Cụ Lớn, chúng con chốt giại...Xin cụ Lớn sinh phúc cho... chúng con được nhờ.

Ông án không muốn kéo giài câu truyện vội bảo ông huyện.

— Thôi cụ Lớn đã tha tội cho ông rồi, ông chào cụ Lớn rồi ra thu sếp mai về còn lo việc quan.

Được câu đỡ đòn, ông huyện P.C. vái chào lui ra ngay.

***

Ba tháng sau, ông huyện P.C. tự-nhiên bị gọi về Thống sứ làm việc, sau hỏi ra mới biết tại ông « còn ít tuổi không hiểu việc quan nên chưa đủ tư cách ra cai trị dân », nhưng có lẽ đấy là ý kiến riêng quan Tiễu-phủ kiêm Tuần phủ tỉnh Hưng yên.

TIỆN-ĐÀM thuật

*Muốn làm giàu mua vé số*

**Dông - Dương**

**2$00 một vé**

TẠP-CHÍ VĂN-HÓA : Do nghị định ngày 8 tháng hai năm 1941

Chủ-nhiệm kiêm quản lý : Nguyễn-Tường-Phượng Nhà in Tri-Tân số 95—97 Chanceaulme, Hanoi